

BẢNG SỐ 9

BẢNG GIÁ ĐẤT VEN TRỤC ĐẦU MỐI GIAO THÔNG CHÍNH THUỘC HUYỆN ĐAN PHƯỢNG

(Kèm theo Quyết định số: 63/2013/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đ/m²

TT	Tên đường	Giá đất ở					Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp				
		Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m	Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4	
a	Đường quốc lộ					Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn					Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn
1	Đường quốc lộ 32										
	Đoạn qua địa phận xã Tân Lập	7 800 000	5 460 000	4 712 000	4 338 000		4 050 000	3 822 000	3 298 000	3 037 000	
	Đoạn qua địa phận xã Đồng Tháp	6 200 000	4 526 000	3 906 000	3 596 000		3 388 000	3 168 000	2 734 000	2 517 000	
b	Đường địa phương										
1	Đường tỉnh lộ 417 (đường tỉnh lộ 83 cũ)										
	Đoạn từ giáp thị trấn Phùng đến giáp đê sông Hồng	4 400 000	3 300 000	2 860 000	2 640 000		3 080 000	2 310 000	2 002 000	1 848 000	
	Đoạn từ đê sông Hồng đến giáp huyện Phúc Thọ	2 500 000	1 936 000	1 625 000	1 525 000		1 750 000	1 355 000	1 138 000	1 068 000	
2	Đường tỉnh lộ 422 (đường 79 cũ) qua địa phận xã Tân Lập, Tân Hội và Liên Hà	6 200 000	4 526 000	3 906 000	3 596 000		3 388 000	3 168 000	2 734 000	2 517 000	

TT	Tên đường	Giá đất ở					Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp				
		Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m	Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4	
3	Các tuyến đường giao thông liên xã ngoài các tuyến đường nêu trên thuộc các xã Liên Hà, Tân Hội, Tân Lập	4 600 000	3 450 000	2 990 000	2 760 000	Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn	3 220 000	2 415 000	2 093 000	1 932 000	Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn
4	Các tuyến đường giao thông liên xã ngoài các tuyến đường nêu trên thuộc các xã Đan Phượng, Liên Trung, Song Phượng	3 500 000	2 613 000	2 053 000	1 895 000		2 450 000	1 829 000	1 437 000	1 327 000	
5	Các tuyến đường giao thông liên xã ngoài các tuyến đường nêu trên thuộc các xã Đồng Tháp, Hạ Mỗ, Hồng Hà, Liên Hồng, Phương Đình, Thượng Mỗ	3 000 000	2 310 000	1 950 000	1 830 000		2 100 000	1 617 000	1 365 000	1 281 000	
6	Các tuyến đường giao thông liên xã ngoài các tuyến đường nêu trên thuộc các xã Thọ An, Thọ Xuân, Trung Châu	2 200 000	1 725 000	1 430 000	1 342 000		1 540 000	1 208 000	1 001 000	939 000	

Ghi chú: Giá đất tại vị trí 4 theo bảng giá trên đây nhưng không thấp hơn giá đất khu dân cư nông thôn liền kề.